TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 113/2026/DS-ST Ngày: 19-6-2026 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Huỳnh Ngọc Trước

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân kku vực 6 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5, 01 và 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2026/TLST-DS ngày 30/01/2026 về việc "*tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2026/QĐXXST-DS ngày 10/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2026/QĐST-DS ngày 06/5/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 54/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X (E).

Địa chỉ: Tầng H, Văn phòng số L+16 Tòa nhà V, Số G L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Huyền T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy K, Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân E (Văn bản ủy quyền số 233/2025/EIBĐT-UQ ngày 12/12/2025); (có mặt)

Địa chỉ: 103-105-107 H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thanh P, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, Khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Tổ 33, Khóm H, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy K trình bày:

Ngày 25/3/2025, ông Nguyễn Thanh P có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 2600LAV250037638 - 2600LAV250037639 (hợp đồng) với Ngân hàng TMCP X, cụ thể như sau:

Thẻ thứ nhất: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, loai thẻ: JCB Platinum travel cash Back (thẻ JCB), miễn phí thường niên, phí phát hành thẻ, thời hạn: 36 tháng kể từ ngày cấp, mục đích sử dụng thẻ: Tiêu dùng cá nhân. Không có tài sản bảo đảm.

Thẻ thứ hai: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, loại thẻ: Visa Platinum Cash B (thẻ Visa), miễn phí thường niên, phí phát hành thẻ, thời hạn: 36 tháng kể từ ngày cấp, mục đích sử dụng thẻ: Tiêu dùng cá nhân. Không có tài sản bảo đảm.

Ngày 24/6/2025, ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay thành nợ quá hạn, khi nộp đơn khởi kiện thì ông P chưa quá hạn 91 ngày, chưa chuyển sang nhóm 3 nên lãi suất áp dụng theo từng thời điểm, đến ngày xét xử sơ thẩm thì chuyển ông P sang nợ nhóm 3 nên được áp dụng lãi suất thấp hơn là 20%/năm cho toàn thời gian chậm trả kể từ ngày vi phạm cho đến nay.

Qua nhiều lần nhắc nhở, thông báo nhưng ông P vẫn không thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Nay Ngân hàng TMCP X do ông Nguyễn Duy K đại diện yêu cầu ông P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 19/6/2026 là 66.468.422 đồng (trong đó: Thẻ JCB: Gốc: 27.225.291 đồng, L: 5.579.320 đồng, tổng: 32.804.611 đồng; Thẻ Visa: Gốc: 27.938.363 đồng, L: 5.725.448 đồng, tổng: 33.663.811 đồng). Ông P còn phải thanh toán lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/6/2026 đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2025.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh P nhưng ông P vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 19/6/2026 tổng cộng số tiền 66.468.422 đồng, trong đó: nợ gốc 55.163.654 đồng, nợ lãi 11.304.768 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư

nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng từ ngày 20/6/2026 đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP X và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng.

Trong vụ án này, ban đầu nguyên đơn còn yêu cầu giải quyết đối với tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 2600LAV250030834 ngày 20/03/2025, do Hợp đồng này có nội dung thỏa thuận E cho ông Nguyễn Thanh P là chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh P 217 vay tiền với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh lúa. Do đó, được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại và Tòa án đã tiến hành tách tranh chấp này khỏi tranh chấp dân sự (vụ án này) để thụ lý, giải quyết trong vụ án khác (thụ lý số 14/2026/TLST-KDTM ngày 17/6/2026).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông P trả số tiền còn thiếu theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2026 là 66.468.422 đồng (trong đó: Thẻ JCB: Gốc: 27.225.291 đồng, L: 5.579.320 đồng, tổng: 32.804.611 đồng; Thẻ Visa: Gốc: 27.938.363 đồng, L: 5.725.448 đồng, tổng: 33.663.811 đồng) và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 19/6/2026 đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2025.

Xét trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng JCB ông P đã thực hiện các giao dịch thanh toán với tổng số tiền là 31.816.000 đồng, trả được gốc và lãi là 5.181.332 đồng, trong đó trả gốc là 4.560.709 đồng, lãi là 620.623 đồng, còn nợ số tiền gốc là 27.225.291 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng Visa ông P đã thực hiện các giao dịch thanh toán với tổng số tiền là 31.848.000 đồng, trả được gốc và lãi là 4.501.641 đồng, trong đó trả gốc là 3.909.637 đồng, lãi là 592.004 đồng, còn nợ số tiền gốc là 27.938.363 đồng.

Từ ngày 24/6/2025 ông P không thực hiện việc trả gốc, lãi cũng như thanh toán số tiền tối thiểu cho các thẻ tín dụng nêu trên (5% dư nợ) cho nguyên đơn nên đến ngày 24/10/2025 thì dư nợ này chuyển sang ngày quá hạn 91, thẻ tín dụng của ông P chuyển nợ thành nhóm 3, lãi suất áp dụng là 20%/năm là phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2025 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đính kèm.

Đến nay ông P vẫn không thanh toán nợ cho nguyên đơn đúng như nghĩa vụ giao kết cho các giao dịch đã phát sinh đối với nguyên đơn.

Do đó, ông P đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ tại hợp đồng nên căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết nêu trên và Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 ông P phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho nguyên đơn.

Theo bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2026, ông P còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 66.468.422 đồng (trong đó: Thẻ JCB: Gốc: 27.225.291 đồng, L: 5.579.320 đồng, tổng: 32.804.611 đồng; Thẻ Visa: Gốc: 27.938.363 đồng, L: 5.725.448 đồng, tổng: 33.663.811 đồng). Xét việc nguyên đơn tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng N về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP).

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng TMCP X. Buộc ông P phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 66.468.422 đồng (trong đó: Thẻ JCB: Gốc: 27.225.291 đồng, L: 5.579.320 đồng, tổng: 32.804.611 đồng; Thẻ Visa: Gốc: 27.938.363 đồng, L: 5.725.448 đồng, tổng: 33.663.811 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2025 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đính kèm kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X.

Buộc ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tổng cộng là 66.468.422 đồng (trong đó: Thẻ JCB: Tiền gốc là 27.225.291 đồng, tiền lãi là 5.579.320 đồng, tổng là 32.804.611 đồng; Thẻ Visa: Tiền gốc: 27.938.363 đồng, tiền lãi: 5.725.448 đồng, tổng là 33.663.811 đồng).

Ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 2600LAV250037638 - 2600LAV250037639 ngày 25/3/2025 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đính kèm kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP X thì lãi suất mà ông Nguyễn Thanh P phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP X và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.182.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001396 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.323.421 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDKV6-ĐT;
- TAND Tỉnh ĐT;
- Phòng THADSKV6-ĐT;
(khi án có hiệu lực pháp luật);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Châu Nữ Thu Hân